

Số: 115b/2024/CV-SCID  
V/v Công bố thông tin định kỳ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GD&ĐT HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn Co.op  
Mã chứng khoán: SID  
Trụ sở chính: 199-205 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM  
Điện thoại: (028) 38360143 Fax: (028) 38225457  
Email: info@scid-jsc.com

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phạm Trung Kiên

Chức vụ: Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Loại thông tin công bố:  Định kỳ  Bất thường  Theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1/2024.

Chúng tôi cũng đã công bố thông tin báo cáo này trên trang thông tin điện tử của Công ty:  
<https://scid.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website (để CBTT);
- Lưu: VT, PLQHĐN (02).

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
  
**Phạm Trung Kiên**

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN  
SÀI GÒN CO.OP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15c/2024/CV-SCID  
V/v Công bố thông tin định kỳ BCTC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn Co.op thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Quý 1 năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: SID
- Địa chỉ: 199-205 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM
- Điện thoại: (028) 38360143 Fax: (028) 38225457
- Email: info@scid-jsc.com Website: <https://scid.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC Quý 1 năm 2024:

BCTC riêng (tổ chức đăng ký giao dịch không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (tổ chức đăng ký giao dịch có công ty con);

BCTC tổng hợp (tổ chức đăng ký giao dịch có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày: 27/4/2024 tại đường dẫn: <https://scid.vn/quan-he-co-dong/> (mục: Báo cáo tài chính).

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC Quý 1 hợp nhất năm 2024;

- Văn bản giải trình Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu: VT, PLQHĐN (02).



**Phạm Trung Kiên**



Số: 115a /2024/CV-SCID  
V/v giải trình thay đổi LNST  
tại BCTC hợp nhất Quý 1/2024

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2024

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1/2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn Co.op.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn Co.op (SCID) xin gửi lời chào trân trọng đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh ước thực hiện của Quý 1/2024, SCID xin giải trình chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1/2024 như sau:

Chỉ tiêu	Quý 1/2024	Quý 1/2023	Thay đổi
Lợi nhuận sau thuế TNDN (đồng)	23.760.787.523	26.699.121.123	-11,01%

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 1/2024 với cùng kỳ giảm 2.938.333.600 đồng (tương đương giảm 11,01%). Nguyên nhân chủ yếu là do:

- Tổng doanh thu trong kỳ giảm 1.588.342.691 đồng nên Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp giảm tương ứng là 1.588.342.691 đồng. Trong đó chủ yếu là do doanh thu tư vấn quản lý, tư vấn xây dựng giảm 2.177.740.829 đồng; doanh thu cho thuê mặt bằng tăng 2.433.265.399 đồng; lãi tiền gửi ngân hàng giảm 2.035.873.116 đồng.
- Tổng chi phí trong kỳ giảm 37.337.149 đồng nên Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tăng tương ứng là 37.337.149 đồng.
- Lãi/lỗ từ công ty liên doanh, liên kết giảm 1.210.375.698 đồng nên Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp giảm tương ứng là 1.210.375.698 đồng.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tăng 176.952.360 đồng nên Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp giảm tương ứng là 176.952.360 đồng.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã giải trình.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website (để CBTT);
- Lưu: VT, PLQHĐN (02).

TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN  
SÀI GÒN CO.OP  
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Phạm Trung Kiên



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP

.....❧❧.....

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**QUÝ 1 NĂM 2024**

2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP**

Địa chỉ: 199-205 Nguyễn Thái Học, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1**

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (ước thực hiện)	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>537,380,029,431</b>	<b>546,641,775,676</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>96,557,838,978</b>	<b>117,031,656,732</b>
1. Tiền	111		11,709,711,529	26,930,808,063
2. Các khoản tương đương tiền	112		84,848,127,449	90,100,848,669
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>360,783,517,477</b>	<b>352,062,520,954</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	13,859,293,545	13,859,293,545
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(4,096,093,545)	(4,706,293,545)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		351,020,317,477	342,909,520,954
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>68,894,258,957</b>	<b>67,371,074,615</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	40,186,800,043	38,855,316,794
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3,280,515,544	4,885,575,716
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	16,600,000,000	16,600,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	24,471,669,539	22,963,422,105
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(15,644,726,169)	(15,933,240,000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1,302,305,008</b>	<b>951,324,361</b>
1. Hàng tồn kho	141		1,302,305,008	951,324,361
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>9,842,109,011</b>	<b>9,225,199,014</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	4,238,326,311	3,178,039,824
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		853,998,737	220,794,726
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	4,749,783,963	5,826,364,464
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP**

Địa chỉ: 199-205 Nguyễn Thái Học, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1**

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ (ước thực hiện)</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1,964,817,853,440</b>	<b>1,936,172,510,773</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>111,837,144,984</b>	<b>112,337,925,202</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		25,602,432,984	26,103,213,202
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	86,234,712,000	86,234,712,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>60,063,385,290</b>	<b>61,305,216,770</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	59,779,911,836	60,983,243,314
- Nguyên giá	222		145,076,177,076	144,762,651,376
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(85,296,265,240)	(83,779,408,062)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	283,473,454	321,973,456
- Nguyên giá	228		2,668,580,458	2,668,580,458
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2,385,107,004)	(2,346,607,002)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.11</b>	<b>37,331,499,336</b>	<b>37,749,107,382</b>
- Nguyên giá	231		57,817,638,519	57,817,638,519
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(20,486,139,183)	(20,068,531,137)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>491,851,395,532</b>	<b>483,766,267,800</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	491,851,395,532	483,766,267,800
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1,257,704,386,419</b>	<b>1,237,027,407,196</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	1,257,704,386,419	1,237,027,407,196
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6,030,041,879</b>	<b>3,986,586,423</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	5,978,194,006	3,904,778,708
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		51,847,873	81,807,715
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2,502,197,882,871</b>	<b>2,482,814,286,449</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP**

Địa chỉ: 199-205 Nguyễn Thái Học, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1**

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ (ước thực hiện)</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>140,822,870,056</b>	<b>145,200,061,157</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>27,765,841,100</b>	<b>32,464,659,788</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	2,871,443,075	1,879,958,144
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15a	295,281,035	295,458,171
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	2,090,169,532	2,782,351,907
4. Phải trả người lao động	314	V.16	2,292,995,788	9,088,360,487
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	1,622,576,629	159,419,409
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	1,473,017,700	72,472,950
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	5,506,670,072	6,502,949,451
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	11,613,687,269	11,683,689,269
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>113,057,028,956</b>	<b>112,735,401,369</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.15b	196,050,000	173,900,000
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	111,343,074,663	110,997,145,176
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1,517,904,293	1,564,356,193
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP**

Địa chỉ: 199-205 Nguyễn Thái Học, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1**

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (ước thực hiện)	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2,361,375,012,815</b>	<b>2,337,614,225,292</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>2,361,375,012,815</b>	<b>2,337,614,225,292</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	858,650,617,915	858,650,617,915
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	502,724,394,900	478,963,607,377
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		478,963,607,377	476,293,376,837
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		23,760,787,523	2,670,230,540
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2,502,197,882,871</b>	<b>2,482,814,286,449</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2024

Tạ Ngọc Thảo  
Người lập biểuPhạm Xuân Phong  
Kế toán trưởngPhạm Trung Kiên  
Tổng giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP**

Địa chỉ: 199-205 Nguyễn Thái Học, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1**

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
(Dạng đầy đủ)  
Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	24,387,621,336	23,808,941,007	24,387,621,336	23,808,941,007
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	24,387,621,336	23,808,941,007	24,387,621,336	23,808,941,007
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	7,404,283,399	7,203,784,981	7,404,283,399	7,203,784,981
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16,983,337,937	16,605,156,026	16,983,337,937	16,605,156,026
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4,949,029,891	7,024,230,661	4,949,029,891	7,024,230,661
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(610,200,000)	2,644,070,960	(610,200,000)	2,644,070,960
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Lãi / lỗ từ công ty liên doanh, liên kết	24		20,676,979,223	21,887,354,921	20,676,979,223	21,887,354,921
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	4,746,159,719	4,052,755,260	4,746,159,719	4,052,755,260
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	12,963,011,275	10,337,500,874	12,963,011,275	10,337,500,874
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		25,510,376,057	28,482,414,514	25,510,376,057	28,482,414,514
12. Thu nhập khác	31	VI.7	615,525	92,437,775	615,525	92,437,775
13. Chi phí khác	32	VI.8	485,589,348	788,068,815	485,589,348	788,068,815
14. Lợi nhuận khác	40		(484,973,823)	(695,631,040)	(484,973,823)	(695,631,040)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25,025,402,234	27,786,783,474	25,025,402,234	27,786,783,474
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	1,281,106,769	1,000,797,726	1,281,106,769	1,000,797,726
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(16,492,058)	86,864,625	(16,492,058)	86,864,625
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		23,760,787,523	26,699,121,123	23,760,787,523	26,699,121,123
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ			23,760,787,523	26,698,979,737	23,760,787,523	26,698,979,737
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát			-	141,386	-	141,386
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		238	267	238	267
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		238	267	238	267

Tạ Ngọc Thảo  
Người lập biểuPhạm Xuân Phong  
Kế toán trưởngPhạm Trung Kiên  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2024



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP

Địa chỉ: 199-205 Nguyễn Thái Học, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước
<strong>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</strong>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		22,428,366,709	17,647,821,463
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(14,448,146,733)	(11,604,447,071)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(14,657,952,135)	(11,948,632,064)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1,022,599,490)	(870,546,411)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		41,046,674,999	43,670,976,979
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(40,821,527,868)	(47,961,620,600)
<strong>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</strong>	<strong>20</strong>		<strong>(7,475,184,518)</strong>	<strong>(11,066,447,704)</strong>
<strong>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</strong>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(8,170,192,073)	(31,950,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(78,743,855,198)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		70,633,058,675	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3,294,359,161	575,467,141
<strong>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</strong>	<strong>30</strong>		<strong>(12,986,629,435)</strong>	<strong>543,517,141</strong>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP**

Địa chỉ: 199-205 Nguyễn Thái Học, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1**

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Thu tiền từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12,003,801)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(12,003,801)</i>	<i>-</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(20,473,817,754)</b>	<b>(10,522,930,563)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>117,031,656,732</b>	<b>77,542,966,916</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>96,557,838,978</b>	<b>67,020,036,353</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2024

Tạ Ngọc Thảo  
Người lập biểu

Phạm Xuân Phong  
Kế toán trưởng



Phạm Trung Kiên  
Tổng Giám Đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP**

Địa chỉ: 199 – 205 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1**

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1**

**Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn Co.op (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là dịch vụ.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là: đầu tư xây dựng, kinh doanh trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng; cho thuê mặt bằng và tài sản.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

**5. Cấu trúc Tập đoàn**

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 04 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

*Các công ty con*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV TM DV Sense Cái Bè	Thửa đất số 1436, Tờ bản đồ số 35, Khu 2, Thị trấn Cái Bè, Huyện Cái Bè, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV TM Sài Gòn - Bến Tre	Số 26A đường Trần Quốc Tuấn, phường 4, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Bán lẻ hàng hóa và dịch vụ cho thuê	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV TMDV Sài Gòn – Pleiku	Số 29 Nguyễn Văn Cừ, phường Ia Kring, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	100,00%	100,00%	100,00%



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP

Địa chỉ: 199 – 205 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

### Các công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH TMDV Sài Gòn - Cà Mau	09 Trần Hưng Đạo, phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Bán lẻ hàng hóa và dịch vụ cho thuê.	36,75%	36,75%	36,75%
Công ty TNHH TM Sài Gòn Cần Thơ	Số 01 Đại lộ Hoà Bình, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	Bán lẻ hàng hóa và dịch vụ cho thuê.	34,00%	34,00%	34,00%
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Sài Gòn Co.op	Lầu 3, số 199-205, đường Nguyễn Thái Học, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh siêu thị theo hệ thống chuỗi siêu thị Co.op Mart	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty TNHH TMDV siêu thị Co.opmart Biên Hòa	121 Phạm Văn Thuận, P.Tân Tiến, TP.Biên Hòa – Đồng Nai	Kinh doanh siêu thị theo hệ thống chuỗi siêu thị Co.op Mart	29,00%	29,00%	29,00%
Công ty cổ phần phát triển khu phức hợp thương mại Vietsin	Khu phức hợp số 2, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	36,00%	36,00%	36,00%
Công ty TNHH TMDV Sài Gòn – Xuân Oai	Lô T3-1.1 Khu công nghệ cao TP.HCM, Lã Xuân Oai, phường Tăng Nhơn Phú A, quận 9, TP.HCM	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty TNHH ĐT PT Trung tâm TM Đông Bắc	Lô số 7, Đường 25/4, Phường Hồng Gai, TP.Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Xây dựng nhà để ở	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty đầu tư vào ty TNHH Sài Gòn – Châu Đốc	Công Tổ 21, Khóm Châu Quới 3, Phường Châu Phú B, TP.Châu Đốc, Tỉnh An Giang	Bán lẻ hàng hóa công ty kinh doanh trong siêu thị, trung tâm thương mại	25,00%	25,00%	25,00%

### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của quý 1 năm trước so sánh được với số liệu của quý 1 năm nay.

### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc của quý 1, Tập đoàn có 121 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 119 nhân viên).

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP

Địa chỉ: 199 – 205 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2104/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 bao gồm Báo cáo tài chính quý 1 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính quý 1 của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý 1 từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính quý 1 của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính





# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP

Địa chỉ: 199 – 205 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán quý 1 các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý 1 và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất quý 1 (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Chứng khoán kinh doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP

Địa chỉ: 199 – 205 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### ***Các khoản đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP

Địa chỉ: 199 – 205 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

#### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán quý được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là hàng hóa được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí lắp đặt hệ thống công nghệ thông tin và chi phí cải tạo, di dời văn phòng. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### *Chi phí lắp đặt hệ thống công nghệ thông tin*

Chi phí lắp đặt hệ thống công nghệ thông tin được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### *Chi phí sửa chữa văn phòng*

Chi phí cải tạo, di dời văn phòng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP

Địa chỉ: 199 – 205 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	18 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08
Tài sản cố định khác	03 – 08

### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

#### ***Chương trình phần mềm máy tính***

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

#### ***Website Công ty***

Nguyên giá của Website Công ty bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra tính đến thời điểm Tập đoàn đưa website vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Website Tập đoàn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP

Địa chỉ: 199 – 205 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	39
Nhà	25 - 30

### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP

Địa chỉ: 199 – 205 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất quý 1.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### 14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất quý 1 căn cứ theo thời hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán quý 1.

### 15. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty mẹ.

### 16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP

Địa chỉ: 199 – 205 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

### 17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### *Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động*

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### 18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP

Địa chỉ: 199 – 205 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

### 19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP

Địa chỉ: 199 – 205 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 của Tập đoàn.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	473,085,542	1,013,316,695
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11,236,625,987	25,917,491,368
Các khoản tương đương tiền (*)	84,848,127,449	90,100,848,669
<b>Cộng</b>	<b><u>96,557,838,978</u></b>	<b><u>117,031,656,732</u></b>

(\*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

#### 2a) Đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chứng khoán kinh doanh	13,859,293,545	13,859,293,545
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(4,096,093,545)	(4,706,293,545)
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng	351,020,317,477	342,909,520,954
<b>Cộng</b>	<b><u>360,783,517,477</u></b>	<b><u>352,062,520,954</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP

Địa chỉ: 199 – 205 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 2b) Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lũy kế lãi/lỗ phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lũy kế lãi/lỗ phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty TNHH TM DV Sài Gòn - Cà Mau <sup>(i)</sup>	74,970,000,000	(7,589,521,468)	67,380,478,532	74,970,000,000	(7,821,780,966)	67,148,219,034
Công ty TNHH TM Sài Gòn Cần Thơ <sup>(ii)</sup>	74,800,000,000	18,785,646,762	93,585,646,762	74,800,000,000	16,478,507,957	91,278,507,957
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Sài Gòn Co.op <sup>(iii)</sup>	24,500,000,000	700,786,340	25,200,786,340	24,500,000,000	698,716,674	25,198,716,674
Công ty TNHH TM DV Siêu thị Co.opmart Biên Hòa <sup>(iv)</sup>	7,440,520,518	10,126,817,488	17,567,338,006	7,440,520,518	9,479,773,611	16,920,294,129
Công ty CP phát triển khu phức hợp thương mại Vietsin <sup>(v)</sup>	754,099,056,000	188,383,324,333	942,482,380,333	754,099,056,000	171,726,783,587	925,825,839,587
Công ty TNHH TMDV Sài Gòn - Xuân Oai <sup>(vi)</sup>	53,900,000,000	2,541,433,100	56,441,433,100	53,900,000,000	2,218,924,499	56,118,924,499
Công ty TNHH ĐT PT Trung tâm TM Đông Bắc <sup>(vii)</sup>	32,000,000,000	28,768,351	32,028,768,351	32,000,000,000	50,778,279	32,050,778,279
Công ty TNHH Sài Gòn - Châu Đốc <sup>(viii)</sup>	18,750,000,000	4,267,554,995	23,017,554,995	18,750,000,000	3,736,127,037	22,486,127,037
<b>Cộng</b>	<b>1,040,459,576,518</b>	<b>217,244,809,901</b>	<b>1,257,704,386,419</b>	<b>1,040,459,576,518</b>	<b>196,567,830,678</b>	<b>1,237,027,407,196</b>

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000969020 ngày 20 tháng 5 năm 2010, chứng nhận thay đổi lần thứ 11 ngày 10 tháng 12 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH TMDV Sài Gòn - Cà Mau 74.970.000.000 VND, tương đương 36,75% vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800502219 ngày 08 tháng 11 năm 2012, chứng nhận thay đổi lần thứ 18 ngày 12 tháng 02 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH TM Sài Gòn Cần Thơ 74.800.000.000 VND, tương đương 34,00% vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310384927 ngày 15 tháng 10 năm 2010, chứng nhận thay đổi lần thứ 02 ngày 12 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Sài Gòn Co.op 24.500.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4702001225, chứng nhận thay đổi lần thứ 14 ngày 22 tháng 5 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH TMDV siêu thị Co.opmart Biên Hòa 7.440.520.518 VND, tương đương 29% vốn điều lệ.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411032000083, chứng nhận thay đổi lần thứ 07 ngày 02 tháng 12 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần phát triển Khu phức hợp thương mại Vietsin 754.099.056.000 VND, tương đương 36,00% vốn điều lệ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP**

Địa chỉ: 199 – 205 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1**

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (vi) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 0315949585 đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 10 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH TMDV Sài Gòn – Xuân Oai 53.900.000.000 VND, tương đương 49,00% vốn điều lệ.
- (vii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 5702088237 đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 06 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH ĐT PT Trung tâm TM Đông Bắc 32.000.000.000 VND, tương đương 40,00% vốn điều lệ.
- (viii) Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 19/05/2022, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Sài Gòn – Châu Đốc 18.750.000.000 VND, tương đương 25,00% vốn điều lệ.

**3. Phải thu của khách hàng****3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>39,344,079,251</b>	<b>38,335,509,615</b>
Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh	31,414,295,332	25,240,864,195
Công ty TNHH TMDV Sài Gòn - Cà Mau	6,429,783,919	5,519,155,220
Công ty CP Phát triển Khu phức hợp TM Vietsin	-	1,836,653,814
Công ty TNHH MTV Sài Gòn - Văn Đồng	-	164,816,299
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn Cần Thơ	1,500,000,000	5,574,020,087
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>842,720,792</b>	<b>519,807,179</b>
Công ty CP Phim Thiên Ngân - CN Bến Tre	176,074,323	91,456,439
Khách hàng khác	666,646,469	428,350,740
<b>Cộng</b>	<b><u>40,186,800,043</u></b>	<b><u>38,855,316,794</u></b>

**3b. Phải thu dài hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Sài Gòn - Văn Đồng	15,569,332,902	14,968,980,443
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn – Cà Mau	10,033,100,082	11,134,232,759
<b>Cộng</b>	<b><u>25,602,432,984</u></b>	<b><u>26,103,213,202</u></b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Havico Việt Nam	265,035,629	265,035,629
Công ty TNHH Knight Frank Việt Nam Property Services	165,000,000	-
CN Công ty TNHH MTV DVLH SG Tourist tại Cần Thơ	76,160,000	-
CN Công Ty CP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận – Chi nhánh PNJ Tiền Giang	42,420,000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Thành Phú	2,727,643,949	3,936,498,627
Khác	4,255,966	684,041,460
<b>Cộng</b>	<b><u>3,280,515,544</u></b>	<b><u>4,885,575,716</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP**

Địa chỉ: 199 – 205 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1**

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**5. Cho vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH TMDV Sài Gòn - Cà Mau	16,600,000,000	16,600,000,000
<b>Cộng</b>	<b><u>16,600,000,000</u></b>	<b><u>16,600,000,000</u></b>

**6. Phải thu khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Giá trị</u>	<u>Giá trị</u>
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	45,000,000	45,000,000
Tạm ứng	2,763,000,000	2,526,000,000
Lãi dự thu	5,372,206,852	3,678,878,585
Công ty TNHH MTV Vật liệu XD và XL TM BMC	15,644,726,169	15,933,240,000
Doanh thu tư vấn quản lý trích trước	-	753,782,410
Khác	646,736,518	26,521,110
<b>Cộng</b>	<b><u>24,471,669,539</u></b>	<b><u>22,963,422,105</u></b>

**6b. Phải thu dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ cho Sở KHĐT TP.HCM để đảm bảo thực hiện dự án tại phường An Phú, Quận 2	85,183,000,000	85,183,000,000
Ký quỹ thuê mặt bằng dài hạn	1,051,712,000	1,051,712,000
<b>Cộng</b>	<b><u>86,234,712,000</u></b>	<b><u>86,234,712,000</u></b>

**7. Dự phòng nợ phải thu khó đòi**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV VLXD và Xây lắp TM BMC	15,644,726,169	15,933,240,000
<b>Cộng</b>	<b><u>15,644,726,169</u></b>	<b><u>15,933,240,000</u></b>

**8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	170,266,195	203,177,448
Chi phí bảo trì	199,835,506	20,400,000
Chi phí sử dụng bản quyền phần mềm	485,502,932	695,860,781
Chi phí dịch vụ tư vấn	1,295,000,000	1,115,000,000
Khác	2,087,721,678	1,143,601,595
<b>Cộng</b>	<b><u>4,238,326,311</u></b>	<b><u>3,178,039,824</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP**

Địa chỉ: 199 – 205 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1**

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	1,236,101,723	141,778,327
Chi phí sửa chữa tài sản	2,181,900,832	895,808,860
Chi phí lắp đặt hệ thống công nghệ thông tin	239,599,092	324,003,312
Chi phí di dời, cải tạo văn phòng (cơ điện)	145,693,798	174,878,596
Chi phí di dời, cải tạo văn phòng (xây dựng, nội thất)	1,067,800,341	1,164,873,102
Chi phí nghiên cứu, phát triển, định vị thương hiệu	997,668,493	1,102,626,826
Chi phí phân bổ khác	109,429,727	100,809,685
<b>Cộng</b>	<b><u>5,978,194,006</u></b>	<b><u>3,904,778,708</u></b>

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu kỳ	105,482,228,325	19,121,921,727	2,297,083,092	11,112,544,164	6,748,874,068	144,762,651,376
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-	313,525,700	313,525,700
Số cuối kỳ	<u>105,482,228,325</u>	<u>19,121,921,727</u>	<u>2,297,083,092</u>	<u>11,112,544,164</u>	<u>7,062,399,768</u>	<u>145,076,177,076</u>
<b>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</b>	-	18,987,867,182	180,250,000	6,993,182,522	6,748,874,068	32,910,173,772
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu kỳ	46,953,676,443	19,007,978,230	1,316,947,437	9,751,931,884	6,748,874,068	83,779,408,062
Khấu hao trong kỳ	1,211,976,627	10,156,062	52,920,828	234,505,794	7,297,867	1,516,857,178
Số cuối kỳ	<u>48,165,653,070</u>	<u>19,018,134,292</u>	<u>1,369,868,265</u>	<u>9,986,437,678</u>	<u>6,756,171,935</u>	<u>85,296,265,240</u>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu kỳ	58,528,551,882	113,943,497	980,135,655	1,360,612,280	-	60,983,243,314
Số cuối kỳ	<u>57,316,575,255</u>	<u>103,787,435</u>	<u>927,214,827</u>	<u>1,126,106,486</u>	<u>306,227,833</u>	<u>59,779,911,836</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP**

Địa chỉ: 199 – 205 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1**

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**10. Tài sản cố định vô hình**

	<b>TSCĐ VH khác</b>	<b>Chương trình phần mềm máy tính</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	213,000,000	2,455,580,458	2,668,580,458
Số cuối kỳ	<b>213,000,000</b>	<b>2,455,580,458</b>	<b>2,668,580,458</b>
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	2,060,580,458	2,060,580,458
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	2,290,318	2,344,316,684	2,346,607,002
Khấu hao trong kỳ	17,750,001	20,750,001	38,500,002
Số cuối kỳ	<b>20,040,319</b>	<b>2,365,066,685</b>	<b>2,385,107,004</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	210,709,682	111,263,774	321,973,456
Số cuối kỳ	<b>192,959,681</b>	<b>90,513,773</b>	<b>283,473,454</b>

**11. Bất động sản đầu tư****11a. Bất động sản đầu tư cho thuê**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Nhà</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	28,058,582,064	29,759,056,455	57,817,638,519
Số cuối kỳ	<b>28,058,582,064</b>	<b>29,759,056,455</b>	<b>57,817,638,519</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	4,666,560,312	15,401,970,825	20,068,531,137
Khấu hao trong kỳ	156,570,126	261,037,920	417,608,046
Số cuối kỳ	<b>4,823,130,438</b>	<b>15,663,008,745</b>	<b>20,486,139,183</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	23,392,021,752	14,357,085,630	37,749,107,382
Số cuối kỳ	<b>23,235,451,626</b>	<b>14,096,047,710</b>	<b>37,331,499,336</b>

**11b. Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán quý như sau:**

	<b>Nguyên giá</b>	<b>Hao mòn lũy kế</b>	<b>Giá trị còn lại</b>
Quyền sử dụng đất - 253 Điện Biên Phủ, phường 07, quận 3, TP. Hồ Chí Minh	5,530,000,000	1,512,478,592	4,017,521,408
Nhà cửa vật kiến trúc - 253 Điện Biên Phủ, phường 07, quận 3, TP. Hồ Chí Minh	29,759,056,455	15,663,008,745	14,096,047,710
Quyền sử dụng đất - 102 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.01, TP.HCM	22,528,582,064	3,310,651,846	19,217,930,218
<b>Cộng</b>	<b>57,817,638,519</b>	<b>20,486,139,183</b>	<b>37,331,499,336</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP**

Địa chỉ: 199 – 205 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1**

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí trả trước dài hạn</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu đô thị phát triển quận 2, TP. HCM	476,395,533,099	-	-	476,395,533,099
Dự án 102 Nam Kỳ Khởi Nghĩa	2,886,885,208	984,472,307	-	3,871,357,515
Phần mềm quản lý vận hành Sense	1,436,258,700	797,921,500	-	2,234,180,200
Sửa chữa lớn TSCĐ - Bến Tre	1,118,458,512	-	1,118,458,512	-
Dự án Pleiku	199,870,909	-	-	199,870,909
Mua sắm TSCĐ - Cái Bè	1,589,269,633	1,963,726,883	433,636,000	3,119,360,516
Công trình xây dựng TTTM Cái Bè	139,991,739	5,891,101,554	-	6,031,093,293
<b>Cộng</b>	<b>483,766,267,800</b>	<b>9,637,222,244</b>	<b>1,552,094,512</b>	<b>491,851,395,532</b>

**13. Phải trả người bán ngắn hạn****13a. Phải trả người bán ngắn hạn:**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả bên liên quan</b>		
CN Liên Hiệp HTX TM TP.HCM - Co.opmart Cái Bè	30,213,216	40,000,000
<b>Phải trả nhà cung cấp khác</b>		
Công ty CP Liên Doanh Alpec tại Bến Tre	27,339,400	-
Công ty TNHH DV Bảo Vệ Trung Dũng	70,705,315	-
Công ty TNHH SX TM và DV Quảng cáo SDC	371,939,408	336,166,186
Công ty CP XD Phước Thành	190,187,480	-
Công ty CP Năng Lượng TTC	226,680,628	-
Công ty TNHH FPT Smart Cloud	-	276,297,912
CN Công ty TNHH DV BV Đông Á tại Cần Thơ	123,206,400	-
Công ty TNHH Havico Việt Nam	530,071,258	-
Công ty TNHH Viễn Thông DCS	218,079,400	-
Công ty CP TV Xây dựng Tổng Hợp	112,050,000	-
Các nhà cung cấp khác	970,970,570	1,227,494,046
<b>Cộng</b>	<b>2,871,443,075</b>	<b>1,879,958,144</b>

**13b. Nợ quá hạn chưa thanh toán: (Bảo hành 5%, 10%)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp khác	4,068,735	4,068,735
<b>Cộng</b>	<b>4,068,735</b>	<b>4,068,735</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP**

Địa chỉ: 199 – 205 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1**

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1,105,995,853	-	1,437,906,527	1,850,023,568	693,878,812	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	962,743,591	3,607,093,380	1,281,106,769	1,022,599,490	1,221,250,870	3,607,093,380
Thuế thu nhập cá nhân	713,612,463	-	2,308,813,110	2,847,385,723	175,039,850	-
Tiền thuê đất, thuế đất	-	2,219,271,084	1,114,577,458	37,996,957	-	1,142,690,583
Thuế môn bài	-	-	12,000,000	12,000,000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2,782,351,907</b>	<b>5,826,364,464</b>	<b>6,154,403,864</b>	<b>5,770,005,738</b>	<b>2,090,169,532</b>	<b>4,749,783,963</b>

**15. Người mua trả tiền trước****15a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền trong thẻ ăn uống	295,281,035	295,281,035
Khách hàng khác	-	177,136
<b>Cộng</b>	<b>295,281,035</b>	<b>295,458,171</b>

**15b. Người mua trả tiền trước dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền bán PQT	196,050,000	173,900,000
<b>Cộng</b>	<b>196,050,000</b>	<b>173,900,000</b>

**16. Phải trả người lao động**

Tiền lương, thưởng phải trả cho người lao động.

**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí điện thoại, fax, internet, brandname	22,909,433	241,818
Chi phí thuê vị trí đặt server	22,720,000	-
Tiền thuê đất 253 Điện Biên Phủ	226,044,000	-
Chi phí điện, nước	1,279,136,113	124,604,700
Chi phí phải trả khác	71,767,083	34,572,891
<b>Cộng</b>	<b>1,622,576,629</b>	<b>159,419,409</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP**

Địa chỉ: 199 – 205 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1**

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Đầu Tư Biz Man	48,315,300	72,472,950
Công ty TNHH MTV Co.opmart Vĩnh Phúc	1,424,702,400	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1,473,017,700</u></b>	<b><u>72,472,950</u></b>

**19. Phải trả khác****19a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	89,825,645	89,382,512
Nhận ký quỹ ngắn hạn	2,077,791,048	2,407,270,763
Cổ tức phải trả	364,276,290	376,911,870
Phải trả tiền bán hàng thu hộ các quây thuê	2,405,128,927	3,249,686,706
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	569,648,162	379,697,600
<b>Cộng</b>	<b><u>5,506,670,072</u></b>	<b><u>6,502,949,451</u></b>

**19b. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Co.opmart Vĩnh Phúc - Phải trả tiền nhận ký quỹ dài hạn	2,170,000,000	2,170,000,000
Công ty TNHH Nova An Phú - đặt cọc	102,500,000,000	102,500,000,000
Phải trả tiền nhận ký quỹ dài hạn	6,673,074,663	6,327,145,176
<b>Cộng</b>	<b><u>111,343,074,663</u></b>	<b><u>110,997,145,176</u></b>

**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi quỹ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi	5,660,034,387	70,002,000	5,590,032,387
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	6,023,654,882	-	6,023,654,882
<b>Cộng</b>	<b><u>11,683,689,269</u></b>	<b><u>70,002,000</u></b>	<b><u>11,613,687,269</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP**

Địa chỉ: 199 – 205 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1**

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**21. Vốn chủ sở hữu****21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (ước thực hiện)	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	1,000,000,000,000	837,216,326,572	501,084,678,760	733,456,919	2,339,034,462,251
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	2,670,230,540	248,797	2,670,479,337
Trích lập các quỹ trong kỳ trước	-	21,434,291,343	(24,435,092,131)	-	(3,000,800,788)
Phát sinh liên quan đến giải thể Công ty TNHH SCID 23/9	-	-	(356,209,792)	-	(356,209,792)
PPLN cho chủ sở hữu	-	-	-	(391,464,503)	(391,464,503)
Điều chỉnh giảm do giải thể công ty con	-	-	-	(342,241,213)	(342,241,213)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>1,000,000,000,000</b>	<b>858,650,617,915</b>	<b>478,963,607,377</b>	<b>-</b>	<b>2,337,614,225,292</b>
Số dư đầu năm này	1,000,000,000,000	858,650,617,915	478,963,607,377	-	2,337,614,225,292
Lợi nhuận trong năm này	-	-	23,760,787,523	-	23,760,787,523
<b>Số dư cuối năm này</b>	<b>1,000,000,000,000</b>	<b>858,650,617,915</b>	<b>502,724,394,900</b>	<b>-</b>	<b>2,361,375,012,815</b>

**21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh	960,927,960,000	960,927,960,000
Các cổ đông khác	39,072,040,000	39,072,040,000
<b>Cộng</b>	<b>1,000,000,000,000</b>	<b>1,000,000,000,000</b>

**21c. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP**

Địa chỉ: 199 – 205 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1**

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước
Doanh thu dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn xây dựng	4,447,048,573	6,624,789,402	4,447,048,573	6,624,789,402
Doanh thu cho thuê mặt bằng	17,047,878,668	14,614,613,269	17,047,878,668	14,614,613,269
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	1,439,101,590	1,439,101,590	1,439,101,590	1,439,101,590
Doanh thu bán hàng hoá	1,134,085,146	816,667,386	1,134,085,146	816,667,386
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	319,507,359	313,769,360	319,507,359	313,769,360
<b>Cộng</b>	<b>24,387,621,336</b>	<b>23,808,941,007</b>	<b>24,387,621,336</b>	<b>23,808,941,007</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước
Giá vốn cung cấp dịch vụ cho thuê mặt bằng	6,094,994,631	4,782,135,398	6,094,994,631	4,782,135,398
Giá vốn cung cấp hàng hoá	660,705,688	578,684,945	660,705,688	578,684,945
Chi phí kinh doanh bất động sản	648,583,080	1,842,964,638	648,583,080	1,842,964,638
<b>Cộng</b>	<b>7,404,283,399</b>	<b>7,203,784,981</b>	<b>7,404,283,399</b>	<b>7,203,784,981</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	4,742,057,439	6,777,930,555	4,742,057,439	6,777,930,555
Lãi cho vay	206,972,452	246,300,106	206,972,452	246,300,106
<b>Cộng</b>	<b>4,949,029,891</b>	<b>7,024,230,661</b>	<b>4,949,029,891</b>	<b>7,024,230,661</b>

**4. Chi phí tài chính**

Trích/hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP**

Địa chỉ: 199 – 205 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1**

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**5. Chi phí bán hàng**

	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1,407,894,939	1,412,488,092	1,407,894,939	1,412,488,092
Chi phí vật liệu, đồ dùng VP	72,519,300	32,656,208	72,519,300	32,656,208
Chi phí khấu hao TSCĐ	362,766,861	370,309,968	362,766,861	370,309,968
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,929,253,814	1,799,338,856	1,929,253,814	1,799,338,856
Các chi phí khác	973,724,805	437,962,136	973,724,805	437,962,136
<b>Cộng</b>	<b>4,746,159,719</b>	<b>4,052,755,260</b>	<b>4,746,159,719</b>	<b>4,052,755,260</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7,191,030,122	6,733,271,004	7,191,030,122	6,733,271,004
Chi phí vật liệu, đồ dùng VP	156,468,085	81,529,191	156,468,085	81,529,191
Chi phí khấu hao TSCĐ	332,059,959	308,790,903	332,059,959	308,790,903
Thuế, phí và lệ phí	79,699,471	94,550,149	79,699,471	94,550,149
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,060,958,558	807,668,601	1,060,958,558	807,668,601
Chi phí dự phòng	(288,513,831)	-	(288,513,831)	-
Các chi phí khác	4,431,308,911	2,311,691,026	4,431,308,911	2,311,691,026
<b>Cộng</b>	<b>12,963,011,275</b>	<b>10,337,500,874</b>	<b>12,963,011,275</b>	<b>10,337,500,874</b>

**7. Thu nhập khác**

	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước
Thu nhập khác	615,525	92,437,775	615,525	92,437,775
<b>Cộng</b>	<b>615,525</b>	<b>92,437,775</b>	<b>615,525</b>	<b>92,437,775</b>

**8. Chi phí khác**

	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước
Chi phí khác	485,559,348	788,068,815	485,559,348	788,068,815
<b>Cộng</b>	<b>485,559,348</b>	<b>788,068,815</b>	<b>485,559,348</b>	<b>788,068,815</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP

Địa chỉ: 199 – 205 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước
Chi phí nhân viên	8,598,925,061	8,145,759,096	8,598,925,061	8,145,759,096
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	228,987,385	114,185,399	228,987,385	114,185,399
Chi phí khấu hao TSCĐ	1,972,965,226	2,844,980,292	1,972,965,226	2,844,980,292
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8,455,651,677	7,066,228,072	8,455,651,677	7,066,228,072
Chi phí khác	5,196,219,356	2,844,203,311	5,196,219,356	2,844,203,311
<b>Cộng</b>	<b>24,452,748,705</b>	<b>21,015,356,170</b>	<b>24,452,748,705</b>	<b>21,015,356,170</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2024

**Tạ Ngọc Thảo**  
Người lập biểu

**Phạm Xuân Phong**  
Kế toán trưởng

**Phạm Trung Kiên**  
Tổng Giám đốc

